

Số: 198 /QĐ-NHNN

Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực hoạt động tiền tệ và lĩnh vực hoạt động ngoại hối thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

THÔNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1648/QĐ-NHNN ngày 27 tháng 7 năm 2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy chế thống kê, công bố và cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia các thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 34/2013/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Ngân hàng Nhà nước quy định về phát hành kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu trong nước của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

Căn cứ Thông tư số 36/2013/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Ngân hàng Nhà nước quy định việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ để thực hiện hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài;

Căn cứ Thông tư số 37/2013/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Ngân hàng nhà nước hướng dẫn một số nội dung về quản lý ngoại hối đối với việc cho vay ra nước ngoài và thu hồi nợ bảo lãnh cho người không cư trú;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ và Vụ Trưởng Vụ Quản lý ngoại hối;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực hoạt động tiền tệ và lĩnh vực hoạt động ngoại hối thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ, Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC - Bộ Tư pháp;
- Lưu VP, VP7, CSTT, QLNH.

THÔNG ĐỘC
PHỔ THÔNG ĐỘC



Đào Minh Tú

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH TRONG LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG
TIỀN TỆ VÀ LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG NGOẠI HỐI THUỘC PHẠM VI
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 198 /QĐ-NHNN ngày 17 tháng 02 năm 2014
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)*

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
I	Thủ tục hành chính thực hiện tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam		
1	Chấp thuận đề nghị phát hành trái phiếu trong nước của năm tài chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.	Hoạt động tiền tệ	Vụ Chính sách tiền tệ
2	Đăng ký tài khoản vốn đầu tư trực tiếp và tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài đối với nhà đầu tư là tổ chức tín dụng.	Hoạt động ngoại hối	Vụ Quản lý Ngoại hối
3	Đăng ký thay đổi tài khoản vốn đầu tư trực tiếp, tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài đối với nhà đầu tư là tổ chức tín dụng.		
4	Đăng ký việc chuyển ngoại tệ ra nước ngoài trước khi được cấp Giấy chứng nhận đầu tư của nhà đầu tư thực hiện đầu tư trực tiếp ra nước ngoài trong lĩnh vực dầu khí.		
5	Đăng ký khoản cho vay ra nước ngoài của tổ chức kinh tế.		
6	Đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài của tổ chức kinh tế.		

7	Đăng ký khoản thu hồi nợ bảo lãnh cho người không cư trú của tổ chức kinh tế.	Hoạt động ngoại hối	Vụ Quản lý Ngoại hối
8	Đăng ký khoản thu hồi nợ bảo lãnh cho người không cư trú của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.		
9	Đăng ký thay đổi khoản thu hồi nợ bảo lãnh cho người không cư trú của tổ chức kinh tế/tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.		
II	Thủ tục hành chính thực hiện tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố		
1	Thủ tục đăng ký tài khoản vốn đầu tư trực tiếp và tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài đối với nhà đầu tư không phải là tổ chức tín dụng.	Hoạt động ngoại hối	Ngân hàng nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố
2	Thủ tục đăng ký thay đổi tài khoản vốn đầu tư trực tiếp, tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài đối với nhà đầu tư không phải là tổ chức tín dụng.		

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. Thủ tục hành chính thực hiện tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

1. Thủ tục chấp thuận đề nghị phát hành trái phiếu của năm tài chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát hành trái phiếu (bao gồm cả trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền) của năm tài chính gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Chính sách tiền tệ).

+ Bước 2: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét hồ sơ.

+ Bước 3:

* Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có ý kiến trả lời bằng văn bản về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị phát hành trái phiếu của năm tài chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

* Trong thời hạn 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có ý kiến trả lời bằng văn bản về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền của năm tài chính của tổ chức tín dụng.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp;

+ Qua đường bưu điện.

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị phát hành trái phiếu của năm tài chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài do người đại diện theo pháp luật ký. Người đại diện theo pháp luật của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có thể ủy quyền cho người khác ký; văn bản ủy quyền được lập phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Phương án phát hành trái phiếu của năm tài chính theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 34/2013/TT-NHNN ngày 31/12/2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

+ Bản sao được chứng thực từ bản chính báo cáo tài chính của năm liền kề trước năm phát hành được kiểm toán và báo cáo tài chính quý gần nhất.

Trường hợp chưa có báo cáo tài chính năm của năm trước liền kề được kiểm toán, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nộp: (i) Báo cáo tài chính được kiểm toán của năm trước năm liền kề với hoạt động kinh doanh có lãi; (ii) Báo cáo tài chính của năm liền kề trước năm đề nghị phát hành với kết quả hoạt động kinh doanh có lãi được Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên phê duyệt đối với tổ chức tín dụng; Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc phê duyệt đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

+ Kế hoạch nguồn vốn và sử dụng vốn của năm tài chính.

+ Bản sao được chứng thực từ bản chính Điều lệ và Giấy phép đối với tổ chức tín dụng phát hành trái phiếu lần đầu, Giấy phép thành lập đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát hành trái phiếu lần đầu.

+ Phương án tăng vốn điều lệ từ nguồn phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong đó phải có các nội dung theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước về thay đổi mức vốn điều lệ của tổ chức tín dụng (đối với trường hợp phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền).

+ Các thay đổi khác có liên quan đến việc phát hành trái phiếu (nếu có).

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:**

+ 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với đề nghị phát hành trái phiếu của năm tài chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

+ 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, đối với đề nghị phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền của năm tài chính của tổ chức tín dụng.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.
- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Vụ Chính sách tiền tệ.
- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định chấp thuận.
- **Lệ phí:** Không.
- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.
- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Tuân thủ các tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định tại khoản 1 Điều 130 Luật các tổ chức tín dụng và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

+ Có thời gian hoạt động tối thiểu là 01 năm kể từ ngày khai trương hoạt động.

+ Kết quả hoạt động kinh doanh theo báo cáo tài chính được kiểm toán của năm liền kề trước năm đề nghị phát hành và kết quả hoạt động kinh doanh đến quý gần nhất phải có lãi.

Trường hợp phát hành trước ngày 01 tháng 04 hàng năm chưa có báo cáo tài chính năm của năm liền kề trước năm đề nghị phát hành được kiểm toán thì phải có:

a) Báo cáo tài chính được kiểm toán của năm trước năm liền kề với kết quả hoạt động kinh doanh có lãi.

b) Báo cáo tài chính của năm liền kề trước năm đề nghị phát hành với kết quả hoạt động kinh doanh có lãi được Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên phê duyệt đối với tổ chức tín dụng; Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc phê duyệt đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

+ Báo cáo tài chính được kiểm toán của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát hành phải là báo cáo kiểm toán nêu ý kiến chấp nhận toàn phần.

+ Đối với trường hợp phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền của tổ chức tín dụng là công ty cổ phần, ngoài việc đáp ứng các quy định nêu trên còn phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Phương án tăng vốn điều lệ từ nguồn phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền của năm tài chính được Đại hội đồng cổ đông thông qua và được sự chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước.

b) Các đợt phát hành trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ của tổ chức tín dụng phải cách nhau ít nhất 06 tháng.

c) Trường hợp tổ chức tín dụng phát hành có cam kết với người mua trái phiếu chuyển đổi là khi đến hạn phải chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu thì:

(i) Người mua trái phiếu phải đáp ứng quy định pháp luật hiện hành về giới hạn góp vốn, mua cổ phần ngay từ khi phát hành.

(ii) Tổ chức tín dụng phát hành phải đáp ứng điều kiện bán cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài theo quy định pháp luật hiện hành ngay từ khi phát hành.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Thông tư số 34/2013/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Ngân hàng Nhà nước Quy định về phát hành kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu trong nước của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Ngày có hiệu lực 14/02/2014.

2. Thủ tục đăng ký tài khoản vốn đầu tư trực tiếp và tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài đối với nhà đầu tư là tổ chức tín dụng

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Sau khi mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp và trước khi thực hiện chuyển ngoại tệ ra nước ngoài, nhà đầu tư là tổ chức tín dụng gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện một (01) bộ hồ sơ đến Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý ngoại hối).

+ Bước 2: Ngân hàng Nhà nước xem xét hồ sơ, trường hợp cần thêm thông tin để đủ cơ sở xác nhận hoặc từ chối xác nhận đăng ký tài khoản và tiến độ chuyển vốn, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu nhà đầu tư bổ sung tài liệu, thông tin cần thiết trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ của nhà đầu tư.

+ Bước 3: Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của nhà đầu tư, Ngân hàng Nhà nước gửi nhà đầu tư văn bản xác nhận đăng ký tài khoản, tiến độ chuyển vốn. Trường hợp từ chối xác nhận đăng ký tài khoản, tiến độ chuyển vốn, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp.

+ Qua đường bưu điện.

- Thành phần hồ sơ:

1. Đơn đăng ký tài khoản vốn đầu tư trực tiếp và tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài (theo mẫu tại Phụ lục số 01 kèm theo Thông tư số 36/2013/TT-NHNN).

2. Hồ sơ pháp lý của nhà đầu tư bao gồm: Bản sao được chứng thực từ bản chính Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư.

3. Bản sao được chứng thực từ bản chính Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp.

4. Bản sao tiếng nước ngoài, bản dịch tiếng Việt (có xác nhận của nhà đầu tư về tính chính xác của bản sao và bản dịch) văn bản chấp thuận đầu tư do cơ quan có thẩm quyền của nước tiếp nhận đầu tư cấp hoặc các giấy tờ khác thể hiện dự án đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền của nước tiếp nhận đầu tư chấp thuận phù hợp với quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư.

5. Bản chính văn bản về tiến độ góp vốn đầu tư của dự án hoặc dự kiến tiến độ góp vốn đầu tư của dự án do nhà đầu tư lập.

6. Bản chính văn bản xác nhận của tổ chức tín dụng được phép về việc mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của nhà đầu tư.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 10 ngày.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Vụ Quản lý ngoại hối.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản xác nhận.

- **Lệ phí:** không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Đơn đăng ký tài khoản vốn đầu tư trực tiếp và tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài (theo mẫu tại Phụ lục số 01 kèm theo Thông tư số 36/2013/TT-NHNN).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Thông tư số 36/2013/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Ngân hàng Nhà nước quy định việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ để thực hiện hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài. Ngày có hiệu lực 14/02/2014.

Phu lục số 01

TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số:.....

Ngàytháng.....năm.....

**ĐƠN ĐĂNG KÝ TÀI KHOẢN VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP
VÀ TIẾN ĐỘ CHUYỂN VỐN ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Quản lý Ngoại hối)

Căn cứ các quy định hiện hành về đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của nhà đầu tư Việt Nam;

Thông tư số36/2013/TT-NHNN ngày 31/12/2013 của Ngân hàng Nhà nước quy định việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ để thực hiện hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài;

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số.....ngày.....;

Căn cứ vào văn bản quy định tiến độ góp vốn đầu tư của dự án hoặc dự kiến tiến độ góp vốn đầu tư của {Tên nhà đầu tư};

{Tên nhà đầu tư} đăng ký với Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh/thành phố.....về tài khoản vốn đầu tư trực tiếp, tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài như sau:

I. THÔNG TIN VỀ NHÀ ĐẦU TƯ:

- Tên nhà đầu tư:.....
- Địa chỉ:.....
- Số điện thoại:.....
- Giấy phép kinh doanh số.....ngày.....{đối với nhà đầu tư là tổ chức}
- Giấy chứng minh nhân dân/ Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....{đối với nhà đầu tư là cá nhân}
- Văn bản cho phép mở chi nhánh, văn phòng đại diện,.....ở nước ngoài số.....ngày.....{đối với nhà đầu tư là tổ chức tín dụng}
- Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số.....ngày.....
- Giấy phép của nước tiếp nhận đầu tư số.....ngày.....
- Tổng vốn đầu tư được cấp phép theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài:.....
- Giá trị góp vốn của Bên Việt Nam:....., Trong đó:

+ Góp vốn bằng tiền:.....

+ Góp vốn bằng giá trị góp vốn khác theo quy định của pháp luật (Máy móc, hàng hóa, sử dụng lợi nhuận tái đầu tư ở nước ngoài.....):.....

II. NỘI DUNG ĐĂNG KÝ VỀ TÀI KHOẢN VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP VÀ TIẾN ĐỘ CHUYỂN VỐN ĐẦU TƯ:

1. Vốn đầu tư bằng tiền thực hiện thông qua tài khoản vốn đầu tư trực số:.....mở tại:.....
2. Tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài:

TT	Thời gian chuyển vốn dự kiến	Bảng tiền (quy USD)	Sử dụng lợi nhuận tái đầu tư (USD)	Bảng giá trị góp vốn khác (quy USD)
1	Quý....Năm.....			
2	Quý.....Năm.....			
.....			

(Chi tiết theo giá trị góp vốn theo hình thức góp vốn)

III. CAM KẾT:

1. Người ký tên dưới đây (đại diện có thẩm quyền của nhà đầu tư) cam kết chịu mọi trách nhiệm về sự chính xác của mọi thông tin ghi trong Đơn đăng ký tài khoản vốn đầu tư trực tiếp và tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài và các tài liệu kèm theo Hồ sơ đăng ký nêu trên của {Tên nhà đầu tư}.

2. {Tên nhà đầu tư} cam kết thực hiện đúng các quy định tại Thông tư số/2013/TT-NHNN ngày/...../2013 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn việc mở, sử dụng; đăng ký và đăng ký thay đổi tài khoản ngoại tệ, tiến độ chuyển chuyển ngoại tệ để đầu tư trực tiếp ra nước ngoài và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Hồ sơ đính kèm:

NHÀ ĐẦU TƯ

3. Thủ tục đăng ký thay đổi tài khoản vốn đầu tư trực tiếp, tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài đối với nhà đầu tư là Tổ chức tín dụng.

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Trường hợp phát sinh thay đổi về nơi mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp, tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài so với nội dung đã được Ngân hàng Nhà nước xác nhận đăng ký, sau khi mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp tại tổ chức tín dụng được phép mới và trước khi thực hiện nội dung thay đổi về tiến độ chuyển vốn, chuyển ngoại tệ ra, vào qua tài khoản mới, nhà đầu tư là tổ chức tín dụng gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện một (01) bộ hồ sơ đến Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý Ngoại hối).

+ Bước 2: Ngân hàng Nhà nước xem xét hồ sơ, trường hợp cần thêm thông tin để đủ cơ sở xác nhận hoặc từ chối xác nhận đăng ký thay đổi tài khoản và tiến độ chuyển vốn, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu Nhà đầu tư bổ sung tài liệu, thông tin cần thiết trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ của Nhà đầu tư.

+ Bước 3: Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của nhà đầu tư, Ngân hàng Nhà nước gửi Nhà đầu tư văn bản xác nhận đăng ký thay đổi tài khoản, tiến độ chuyển vốn ra nước ngoài. Trường hợp từ chối xác nhận đăng ký thay đổi, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp.

+ Qua đường bưu điện.

- Thành phần hồ sơ:

a) Hồ sơ đối với trường hợp thay đổi tài khoản vốn đầu tư trực tiếp:

1. Đơn đăng ký thay đổi tài khoản vốn đầu tư trực tiếp, tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài (theo mẫu tại Phụ lục số 02 kèm theo Thông tư số 36/2013/TT-NHNN).

2. Văn bản giải trình của nhà đầu tư về lý do các nội dung cần thay đổi nơi mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp.

3. Bản chính xác nhận của tổ chức tín dụng được phép nơi nhà đầu tư đang mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp về số dư tài khoản này; số tiền đã chuyển ra nước ngoài đến thời điểm phát sinh thay đổi.

b) Hồ sơ đối với trường hợp thay đổi tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài:

1. Đơn đăng ký thay đổi tài khoản vốn đầu tư trực tiếp, tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài (theo mẫu tại Phụ lục số 02 kèm theo Thông tư số 36/2013/TT-NHNN).

2. Văn bản giải trình của nhà đầu tư về lý do các nội dung cần thay đổi, kèm các thỏa thuận, cam kết hoặc các tài liệu khác có liên quan về việc thay đổi tiến độ chuyển vốn đầu tư (nếu có).

3. Bản dự kiến tiến độ góp vốn đầu tư mới của dự án do nhà đầu tư lập.

4. Bản sao được chứng thực từ bản chính Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài đã được điều chỉnh do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp (trong trường hợp dự án đầu tư được điều chỉnh quy mô vốn đầu tư, thời hạn đầu tư, các bên tham gia đầu tư và tỷ lệ góp vốn, hình thức góp vốn).

5. Bản chính xác nhận của các tổ chức tín dụng được phép nơi nhà đầu tư đang mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp về số tiền đã chuyển ra nước ngoài đến thời điểm phát sinh thay đổi.

6. Bản sao chứng thực từ bản chính chứng từ chứng minh việc thực hiện chuyển vốn bằng các giá trị góp vốn khác theo tiến độ đã đăng ký với Ngân hàng Nhà nước.

c) Hồ sơ đối với trường hợp thay đổi tài khoản vốn đầu tư trực tiếp và tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài:

1. Đơn đăng ký thay đổi tài khoản vốn đầu tư trực tiếp, tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài (theo mẫu tại Phụ lục số 02 kèm theo Thông tư số 36/2013/TT-NHNN).

2. Văn bản giải trình của nhà đầu tư về lý do các nội dung cần thay đổi, kèm các thỏa thuận, cam kết hoặc các tài liệu khác có liên quan về việc thay đổi tiến độ chuyển vốn đầu tư (nếu có).

3. Bản dự kiến tiến độ góp vốn đầu tư mới của dự án do nhà đầu tư lập.

4. Bản sao được chứng thực từ bản chính Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài đã được điều chỉnh do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp (trong trường hợp dự án đầu tư được điều chỉnh quy mô vốn đầu tư, thời hạn đầu tư, các bên tham gia đầu tư và tỷ lệ góp vốn, hình thức góp vốn).

5. Bản chính xác nhận của các tổ chức tín dụng được phép nơi nhà đầu tư đang mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp về số tiền đã chuyển ra nước ngoài đến thời điểm phát sinh thay đổi.

6. Bản sao chứng thực từ bản chính chứng từ chứng minh việc thực hiện chuyển vốn bằng các giá trị góp vốn khác theo tiến độ đã đăng ký với Ngân hàng Nhà nước.

7. Bản chính xác nhận của tổ chức tín dụng được phép nơi nhà đầu tư đang mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp về số dư tài khoản này; số tiền đã chuyển ra nước ngoài đến thời điểm phát sinh thay đổi.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 10 ngày.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Vụ Quản lý Ngoại hối.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản xác nhận.

- **Lệ phí:** không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Đơn đăng ký thay đổi tài khoản ngoại tệ, tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài (theo mẫu tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 36/2013/TT-NHNN).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Thông tư số 36/2013/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Ngân hàng Nhà nước quy định việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ để thực hiện hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài. Ngày có hiệu lực 14/02/2014.

TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số:.....

Ngàytháng.....năm.....

**ĐƠN ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÀI KHOẢN NGOẠI TỆ, TIẾN ĐỘ
CHUYỂN VỐN ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Quản lý ngoại hối)

Căn cứ các quy định hiện hành về đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của nhà đầu tư Việt Nam;

Thông tư số 36/2013/TT-NHNN ngày 31/12/2013 của Ngân hàng Nhà nước quy định việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ để thực hiện hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài;

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số.....ngày.....;

Căn cứ các thỏa thuận, cam kết hoặc các tài liệu khác có liên quan về việc thay đổi tiến độ chuyển vốn đầu tư (nếu có);

{Tên nhà đầu tư} đăng ký với Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh/thành phố.....về tài khoản vốn đầu tư trực tiếp, tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài như sau:

I. THÔNG TIN VỀ NHÀ ĐẦU TƯ:

- Tên nhà đầu tư:.....
- Địa chỉ:.....
- Số điện thoại:.....
- Giấy phép kinh doanh số.....ngày..... {đối với nhà đầu tư là tổ chức}
- Giấy chứng minh nhân dân/ Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:.....Nơi cấp:..... {đối với nhà đầu tư là cá nhân}
- Văn bản cho phép mở chi nhánh, văn phòng đại diện,.....ở nước ngoài số.....ngày..... {đối với nhà đầu tư là tổ chức tín dụng}
- Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số.....ngày.....
- Giấy phép của nước tiếp nhận đầu tư số.....ngày.....
- Tổng vốn đầu tư được cấp phép theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài:.....
- Giá trị góp vốn của Bên Việt Nam:....., Trong đó:
 - + Góp vốn bằng tiền:.....
 - + Góp vốn bằng giá trị góp vốn khác theo quy định của pháp luật (Máy móc, hàng hóa, ÷ dụng lợi nhuận tái đầu tư ở nước ngoài.....):.....

II. NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI VỀ TÀI KHOẢN VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP VÀ TIẾN ĐỘ CHUYỂN VỐN ĐẦU TƯ:

1. Thay đổi về tài khoản vốn đầu tư trực tiếp:

- Tài khoản hiện tại:..... Mở tại:
Số dư tài khoản:.....
Số tiền đã chuyển ra nước ngoài qua tài khoản:.....
- Tài khoản mới:.....Mở tại:
- Lý do thay đổi:.....

2. Thay đổi về kế hoạch chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài:

- Kế hoạch hiện tại:

TT	Thời gian chuyển vốn dự kiến	Bảng tiền (quy USD)	Sử dụng lợi nhuận tái đầu tư (USD)	Bảng giá trị góp vốn khác (quy USD)
1	Quý....Năm.....			
2	Quý.....Năm.....			
.....			

(Chi tiết theo giá trị góp vốn theo hình thức góp vốn)

- Kế hoạch chuyển vốn mới:

TT	Thời gian chuyển vốn dự kiến	Bảng tiền (quy USD)	Sử dụng lợi nhuận tái đầu tư (USD)	Bảng giá trị góp vốn khác (quy USD)
1	Quý....Năm.....			
2	Quý.....Năm.....			
.....			

(Chi tiết theo giá trị góp vốn theo hình thức góp vốn)

- Lý do thay đổi:.....

III. CAM KẾT:

1. Người ký tên dưới đây (đại diện hợp pháp của nhà đầu tư) cam kết chịu mọi trách nhiệm về sự chính xác của mọi thông tin ghi trong Đơn đăng ký thay đổi tài khoản vốn đầu tư trực tiếp, tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài và các tài liệu kèm theo Hồ sơ đăng ký nêu trên của {Tên nhà đầu tư}.

2. {Tên nhà đầu tư} cam kết thực hiện đúng các quy định tại Thông tư số 36/2013/TT-NHNN ngày 31/12/2013 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn việc mở, sử dụng; đăng ký và đăng ký thay đổi tài khoản ngoại tệ, tiến độ chuyển chuyển ngoại tệ để đầu tư trực tiếp ra nước ngoài và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Hồ sơ đính kèm:

NHÀ ĐẦU TƯ

4. Thủ tục đăng ký chuyển ngoại tệ ra nước ngoài trước khi được cấp Giấy chứng nhận đầu tư của Nhà đầu tư thực hiện đầu tư trực tiếp ra nước ngoài trong lĩnh vực dầu khí.

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Nhà đầu tư trong lĩnh vực dầu khí có nhu cầu chuyển ngoại tệ ra nước ngoài trước khi được cấp Giấy chứng nhận đầu tư để nghiên cứu, chuẩn bị dự án dầu khí theo các quy định pháp luật hiện hành về đầu tư trực tiếp ra nước ngoài trong lĩnh vực dầu khí gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện một (01) bộ hồ sơ đến Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý Ngoại hối).

+ Bước 2: Ngân hàng Nhà nước xem xét hồ sơ. Trường hợp cần thêm thông tin để có đủ cơ sở xác nhận hoặc từ chối xác nhận đăng ký chuyển ngoại tệ ra nước ngoài của Nhà đầu tư, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu Nhà đầu tư bổ sung tài liệu, thông tin cần thiết trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ của nhà đầu tư.

+ Bước 3: Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của nhà đầu tư, Ngân hàng Nhà nước gửi Nhà đầu tư văn bản xác nhận việc đăng ký chuyển ngoại tệ ra nước ngoài cho nhà đầu tư. Trường hợp từ chối xác nhận đăng ký, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện:

- + Nộp trực tiếp.
- + Qua đường bưu điện.

- Thành phần hồ sơ:

1. Đơn đăng ký chuyển ngoại tệ ra nước ngoài trước khi được cấp Giấy chứng nhận đầu tư trong lĩnh vực dầu khí (theo mẫu tại Phụ lục số 03 kèm theo Thông tư số 36/2013/TT-NHNN).

2. Bản sao được chứng thực từ bản chính Quyết định thành lập, hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương của nhà đầu tư.

3. Bản giải trình của nhà đầu tư về nhu cầu chuyển ngoại tệ trước khi được cấp Giấy chứng nhận đầu tư kèm các văn bản chứng minh các hoạt động hình

thành dự án dầu khí ở nước ngoài theo quy định của pháp luật hiện hành về đầu tư trực tiếp ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí.

4. Bản chính quyết định của đại diện có thẩm quyền của nhà đầu tư về số ngoại tệ chi phí cho các hoạt động hình thành dự án dầu khí ở nước ngoài, tiến độ chuyển ngoại tệ dự kiến.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 10 ngày.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Vụ Quản lý Ngoại hối.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản xác nhận.

- **Lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Đơn đăng ký chuyển ngoại tệ ra nước ngoài trước khi được cấp Giấy chứng nhận đầu tư trong lĩnh vực dầu khí (theo mẫu tại Phụ lục số 03 kèm theo Thông tư số 36/2013/TT-NHNN).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Thông tư số 36/2013/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Ngân hàng Nhà nước quy định việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ để thực hiện hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài. Ngày có hiệu lực 14/02/2014.

TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số:.....

Ngàytháng.....năm.....

**ĐƠN ĐĂNG KÝ CHUYỂN NGOẠI TỆ RA NƯỚC NGOÀI
TRƯỚC KHI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ
TRONG LĨNH VỰC DẦU KHÍ**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Quản lý ngoại hối)

Căn cứ Nghị định 121/2007/NĐ-CP ngày 25/7/2007 quy định về đầu tư trực tiếp ra nước ngoài trong lĩnh vực dầu khí;

Căn cứ Nghị định số 17/2009/NĐ-CP ngày 16/02/2009 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 121/2007/NĐ-CP ngày 25/7/2007 quy định về đầu tư trực tiếp ra nước ngoài trong lĩnh vực dầu khí;

Thông tư số 36/2013/TT-NHNN ngày 31/12/2013 của Ngân hàng Nhà nước quy định việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ để thực hiện hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài;

Căn cứ Quyết định của đại diện có thẩm quyền của nhà đầu tư về số ngoại tệ chi phí cho các hoạt động hình thành dự án dầu khí ở nước ngoài;

1. {Tên nhà đầu tư} đăng ký với NHNN hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh/thành phố.....về việc chuyển ngoại tệ ra nước ngoài trước khi được cấp giấy chứng nhận đầu tư như sau:

- Tên nhà đầu tư:.....
- Địa chỉ:.....
- Số điện thoại:.....
- Giấy phép kinh doanh số.....ngày.....
- Tổng vốn đầu tư dự kiến của dự án (quy USD):.....Trong đó Bên Việt Nam góp (quy USD):
 - + Bằng tiền:.....
 - + Bằng giá trị góp vốn khác (Máy móc, hàng hóa, sử dụng lợi nhuận tái đầu tư ở nước ngoài):..... {chi tiết các hình thức góp vốn}
- Số ngoại tệ đăng ký chuyển ra nước ngoài:.....
 - Thời gian dự kiến chuyển:.....
 - Mục đích sử dụng:.....

- Tài khoản vốn đầu tư để chuyển ngoại tệ ra nước ngoài số:.....mở tại:.....

2. Người ký tên dưới đây (đại diện có thẩm quyền của nhà đầu tư) cam kết chịu mọi trách nhiệm về sự chính xác của mọi thông tin ghi trong Đơn đăng ký tài khoản vốn đầu tư trực tiếp và tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài và các tài liệu kèm theo Hồ sơ đăng ký nêu trên của {Tên nhà đầu tư}.

3. {Tên nhà đầu tư} cam kết thực hiện đúng các quy định tại Thông tư số Thông tư số 36/2013/TT-NHNN ngày 31/12/2013 của Ngân hàng Nhà nước quy định việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ để thực hiện hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Hồ sơ đính kèm:

NHÀ ĐẦU TƯ

5. Thủ tục đăng ký khoản cho vay ra nước ngoài của tổ chức kinh tế

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày ký thỏa thuận cho vay và trước khi thực hiện giải ngân cho vay, bên cho vay gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký khoản cho vay ra nước ngoài đến Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý ngoại hối).

+ Bước 2: Ngân hàng Nhà nước xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ hoặc cần thêm thông tin, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu Bên cho vay bổ sung tài liệu.

+ Bước 3: Trong thời gian ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản xác nhận đăng ký khoản cho vay ra nước ngoài hoặc có văn bản từ chối và nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp.

+ Qua đường bưu điện.

- Thành phần hồ sơ:

a) Đơn đăng ký khoản cho vay ra nước ngoài (theo mẫu tại Phụ lục số 01 kèm theo Thông tư số 37/2013/TT-NHNN).

b) Hồ sơ pháp lý của Bên cho vay bao gồm: Bản sao được chứng thực từ bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp), Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy phép hoặc Quyết định thành lập Bên cho vay theo quy định của pháp luật (nếu có) và các văn bản sửa đổi (nếu có).

c) Bản sao (có xác nhận của bên cho vay) văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ đối với khoản cho vay ra nước ngoài của tổ chức kinh tế.

d) Báo cáo về phương án thu xếp ngoại tệ của tổ chức kinh tế để cho vay ra nước ngoài.

đ) Hồ sơ pháp lý của bên đi vay bao gồm: bản sao được chứng thực từ bản chính văn bản chấp thuận đầu tư do cơ quan có thẩm quyền của nước tiếp nhận đầu tư cấp. Trường hợp tại các quốc gia/vùng lãnh thổ của bên đi vay không có thủ tục cấp văn bản chấp thuận đầu tư, bên cho vay nộp bản sao chứng thực từ

bản chính và bản dịch tiếng Việt văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của nước tiếp nhận đầu tư về việc đã đăng ký kinh doanh hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương (áp dụng đối với trường hợp Bên đi vay là doanh nghiệp có sự tham gia góp vốn của doanh nghiệp Việt Nam dưới hình thức đầu tư trực tiếp).

e) Bản sao và bản dịch ra tiếng Việt (có xác nhận của Bên cho vay) thỏa thuận cho vay ra nước ngoài.

g) Bản sao và bản dịch ra tiếng Việt (có xác nhận của Bên cho vay) các văn bản, thỏa thuận bảo lãnh, bảo đảm khoản cho vay ra nước ngoài (nếu có).

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

- **Thời hạn giải quyết:** 30 ngày.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Vụ Quản lý ngoại hối.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản xác nhận.

- **Lệ phí:** không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Đơn đăng ký khoản cho vay ra nước ngoài (theo mẫu tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 37/2013/TT-NHNN);

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Thông tư số 37/2013/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Ngân hàng nhà nước Hướng dẫn một số nội dung về quản lý ngoại hối đối với việc cho vay ra nước ngoài và thu hồi nợ bảo lãnh cho người không cư trú. Ngày có hiệu lực 14/02/2014.

TÊN BÊN CHO VAY

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

V/v đăng ký khoản cho vay ra nước ngoài

ĐƠN ĐĂNG KÝ CHO VAY RA NƯỚC NGOÀI

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ vào Thông tư số 37/2013/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Ngân hàng nhà nước Hướng dẫn một số nội dung về quản lý ngoại hối đối với việc cho vay ra nước ngoài và thu hồi nợ bảo lãnh cho người không cư trú;

Căn cứ văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ số ngày .../.../....

Căn cứ vào Thỏa thuận cho vay, thu hồi nợ nước ngoài đã ký với [*Tên Bên vay*] ngày...../...../.....

Căn cứ Thư bảo lãnh (hoặc Hợp đồng bảo lãnh) ngày ../ ../.... (*nếu có*)

[*Tên Bên cho vay*] đăng ký với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về khoản cho vay, thu hồi nợ nước ngoài như sau:

PHẦN THỨ NHẤT: THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

I. Thông tin về Bên cho vay:

1. Tên bên cho vay:
2. Loại hình tổ chức:
3. Địa chỉ:
4. Điện thoại: Fax:
5. Họ và tên Người đại diện có thẩm quyền:
6. Giấy phép/quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật và các bản sửa đổi (nếu có) số.....docấp ngày.....

II. Thông tin về Bên vay:

1. Tên Bên vay:
2. Quốc tịch:
3. Loại hình tổ chức
4. Một số thông tin liên quan khác:

- Giấy phép thành lập (hoạt động) tại nước ngoài:
- Tổng vốn đầu tư theo hồ sơ pháp lý của Bên vay (nếu có):
- Giấy phép đầu tư ra nước ngoài của cổ đông Việt Nam tại Bên vay là doanh nghiệp nước ngoài (trong trường hợp Bên vay là doanh nghiệp do Bên cho vay tham gia góp vốn đầu tư trực tiếp).

III. Thông tin về các Bên liên quan

Ghi rõ tên, địa chỉ, loại hình của từng bên liên quan

PHẦN THỨ HAI: THÔNG TIN VỀ KHOẢN CHO VAY

1. Tổng trị giá khoản cho vay:
2. Các văn bản phê duyệt khoản cho vay (nêu rõ các văn bản phê duyệt theo quy định của pháp luật).
3. Các hợp đồng liên quan (hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo lãnh,...)
4. Mục đích sử dụng vốn vay:
5. Lãi suất:
6. Các khoản phí:
7. Lãi phạt:
8. Thời hạn cho vay: (thời hạn cho vay, thời gian ân hạn)
9. Kế hoạch giải ngân:
10. Kế hoạch trả nợ lãi:
11. Kế hoạch trả nợ gốc:
12. Hình thức đảm bảo tiền vay:
13. Tổ chức tín dụng cung ứng dịch vụ tài khoản:

PHẦN THỨ BA: CAM KẾT

1/ Người ký tên dưới đây (đại diện có thẩm quyền của bên cho vay) cam kết chịu mọi trách nhiệm về sự chính xác của mọi thông tin ghi trong Đơn đăng ký khoản cho vay ra nước ngoài này và các tài liệu kèm theo trong Hồ sơ đăng ký khoản vay ra nước ngoài của [Tên bên cho vay].

2/ [Tên bên cho vay] cam kết tuân thủ các quy định tại Thông tư số 37/2013/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn một số nội dung về quản lý ngoại hối đối với việc cho vay ra nước ngoài và thu hồi nợ bảo lãnh cho người không cư trú; Pháp lệnh ngoại hối; và các quy định khác của pháp luật Việt Nam phù hợp với pháp luật quốc tế có liên quan trong quá trình thực hiện việc cho vay, thu hồi nợ nước ngoài.

ĐẠI DIỆN ĐỦ THẨM QUYỀN THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT

(Ký tên, đóng dấu)

6. Thủ tục đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài của tổ chức kinh tế

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Trong thời gian ba mươi (30) ngày kể từ ngày ký thỏa thuận thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài và trước khi thực hiện nội dung thay đổi, bên cho vay gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài đến Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý ngoại hối).

+ Bước 2: Ngân hàng Nhà nước xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ hoặc cần thêm thông tin, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu Bên cho vay bổ sung tài liệu.

+ Bước 3: Trong thời gian ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước gửi Bên cho vay văn bản xác nhận đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp.

+ Qua đường bưu điện.

- Thành phần hồ sơ:

a) Đơn đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài (theo mẫu tại Phụ lục số 02 kèm theo Thông tư số 37/2013/TT-NHNN).

b) Bản sao và bản dịch tiếng Việt các thỏa thuận thay đổi đã ký (có xác nhận của Bên cho vay về tính chính xác của bản sao và bản dịch) trong trường hợp các nội dung thay đổi cần được thỏa thuận giữa các bên.

c) Bản sao và bản dịch tiếng Việt (có xác nhận của Bên cho vay về tính chính xác của bản sao và bản dịch) văn bản nêu ý kiến chấp thuận của bên bảo lãnh đối với các nội dung thay đổi trong trường hợp khoản cho vay ra nước ngoài được bảo lãnh bởi một bên thứ ba.

d) Bản sao (có xác nhận của Bên cho vay) văn bản nêu ý kiến chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ về nội dung thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài của tổ chức kinh tế (trường hợp thay đổi tăng số tiền cho vay của tổ chức kinh tế hoặc kéo dài thời hạn khoản cho vay ra nước ngoài hoặc thay đổi bên cho vay).

e) Xác nhận của tổ chức tín dụng được phép về tình hình giải ngân, thu hồi nợ đến thời điểm đề nghị xác nhận đăng ký thay đổi (áp dụng đối với trường hợp đăng ký thay đổi kế hoạch giải ngân, thu hồi nợ).

g) Văn bản của Bên cho vay giải trình rõ về nội dung thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài (áp dụng với trường hợp không có thành phần hồ sơ nêu tại Điểm b và Điểm c nói trên).

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

- **Thời hạn giải quyết:** 30 ngày.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Vụ Quản lý ngoại hối.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản xác nhận.

- **Lệ phí:** không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Đơn đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài (theo mẫu tại Phụ lục số 02 kèm theo Thông tư số 37/2013/TT-NHNN).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Thông tư số 37/2013/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Ngân hàng nhà nước Hướng dẫn một số nội dung về quản lý ngoại hối đối với việc cho vay ra nước ngoài và thu hồi nợ bảo lãnh cho người không cư trú. Ngày có hiệu lực 14/02/2014.

TÊN BÊN CHO VAY

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....
V/v đăng ký thay đổi
khoản cho vay ra nước ngoài

**ĐƠN ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI
KHOẢN CHO VAY RA NƯỚC NGOÀI**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ vào Thông tư số 37/2013/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Ngân hàng nhà nước Hướng dẫn một số nội dung về quản lý ngoại hối đối với việc cho vay ra nước ngoài và thu hồi nợ bảo lãnh cho người không cư trú

Căn cứ văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ đối với các nội dung thay đổi số ... ngày .../.../.... (nếu có)

Căn cứ vào Thỏa thuận cho vay, thu hồi nợ nước ngoài đã ký với [*Tên Bên vay*] ngày...../...../.....

Căn cứ vào Thỏa thuận thay đổi cho vay, thu hồi nợ nước ngoài đã ký với [*Tên Bên vay*] ngày...../...../.....

Căn cứ Thư bảo lãnh ngày .../ .../.... (nếu có)

Căn cứ vào Văn bản Xác nhận Đăng ký khoản cho vay ra nước ngoài của Ngân hàng Nhà nước Việt nam số/NHNN-QLNH ngày/...../.....;

[*Tên Bên cho vay*] đăng ký với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc thay đổi một số nội dung khoản cho vay, thu hồi nợ nước ngoài như sau:

PHẦN THỨ NHẤT: CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI

1. [*Nội dung thay đổi*]:

Thoả thuận hiện tại:

Thoả thuận mới:

Lý do Thay đổi:

2. [*Nội dung thay đổi*]:

Thoả thuận hiện tại:

Thoả thuận mới:

Lý do Thay đổi:

3

PHẦN THỨ HAI: KIẾN NGHỊ:

Đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận [*Tên Bên cho vay*] đã đăng ký thay đổi nội dung khoản cho vay, thu hồi nợ nước ngoài tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

PHẦN THỨ BA: CAM KẾT

1/ Người ký tên dưới đây (đại diện có thẩm quyền của Bên cho vay) cam kết chịu mọi trách nhiệm về sự chính xác của mọi thông tin ghi trong Đơn đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài này và các tài liệu kèm theo trong Hồ sơ đăng ký thay đổi khoản vay ra nước ngoài của [*Tên Bên cho vay*].

2/ [*Tên Bên cho vay*] cam kết tuân thủ các quy định tại Thông tư số 37/2013/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn một số nội dung về quản lý ngoại hối đối với việc cho vay ra nước ngoài và thu hồi nợ bảo lãnh cho người không cư trú; Pháp lệnh Ngoại hối và các quy định khác của pháp luật Việt Nam phù hợp với pháp luật quốc tế có liên quan trong quá trình thực hiện việc cho vay, thu hồi nợ nước ngoài.

ĐẠI DIỆN ĐỦ THẨM QUYỀN THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT

(Ký tên, đóng dấu)

7. Thủ tục đăng ký khoản thu hồi nợ bảo lãnh cho người không cư trú của tổ chức kinh tế

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày chuyển tiền thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, bên bảo lãnh hoặc đại diện bên bảo lãnh (trong trường hợp đồng bảo lãnh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện một (01) bộ hồ sơ đến Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý Ngoại hối).

+ Bước 2: Ngân hàng Nhà nước xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ hoặc cần thêm thông tin, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu Bên bảo lãnh hoặc đại diện bên bảo lãnh bổ sung tài liệu.

+ Bước 3: Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của bên bảo lãnh hoặc đại diện bên bảo lãnh, Ngân hàng Nhà nước gửi bên bảo lãnh hoặc đại diện bên bảo lãnh văn bản xác nhận đăng ký khoản thu hồi nợ bảo lãnh hoặc văn bản từ chối xác nhận đăng ký khoản thu hồi nợ bảo lãnh và nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện:

- + Nộp trực tiếp;
- + Qua đường bưu điện.

- Thành phần hồ sơ:

a) Đơn đăng ký khoản thu hồi nợ bảo lãnh (theo mẫu tại Phụ lục số 03 kèm theo Thông tư 37/2013/TT-NHNN).

b) Hồ sơ pháp lý của Bên bảo lãnh bao gồm: Bản sao được chứng thực từ bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp), Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy phép hoặc Quyết định thành lập Bên bảo lãnh theo quy định của pháp luật (nếu có) và các bản sửa đổi (nếu có).

c) Bản sao (có xác nhận của Bên bảo lãnh) văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ đối với việc tổ chức kinh tế bảo lãnh cho người không cư trú.

d) Bản sao và bản dịch tiếng Việt (có xác nhận của Bên bảo lãnh) chứng từ chứng minh việc bên bảo lãnh đã chuyển tiền thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.

đ) Bản sao và bản dịch tiếng Việt (có xác nhận của Bên bảo lãnh) cam kết bảo lãnh, thỏa thuận cấp bảo lãnh đã ký, thỏa thuận (hoặc thông báo) về việc thu hồi nợ Bên bảo lãnh đã trả thay cho bên được bảo lãnh.

e) Bản sao (có xác nhận của tổ chức tín dụng cung ứng dịch vụ tài khoản) chứng từ chứng minh việc bên bảo lãnh đã chuyển tiền thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

- **Thời hạn giải quyết:** 15 ngày.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Vụ Quản lý ngoại hối.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản xác nhận.

- **Lệ phí:** không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Đơn đăng ký khoản thu hồi nợ bảo lãnh (theo mẫu tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư 37/2013/TT-NHNN).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Thông tư số 37/2013/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Ngân hàng nhà nước Hướng dẫn một số nội dung về quản lý ngoại hối đối với việc cho vay ra nước ngoài và thu hồi nợ bảo lãnh cho người không cư trú. Ngày có hiệu lực 14/02/2014.

TÊN BÊN BẢO LÃNH
(HOẶC ĐẠI DIỆN BÊN BẢO LÃNH)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

V/v đăng ký khoản thu hồi nợ bảo lãnh
cho người không cư trú

ĐƠN ĐĂNG KÝ KHOẢN THU HỒI NỢ BẢO LÃNH

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ vào Thông tư số 37/2013/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Ngân hàng nhà nước Hướng dẫn một số nội dung về quản lý ngoại hối đối với việc cho vay ra nước ngoài và thu hồi nợ bảo lãnh cho người không cư trú;

Căn cứ văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ số ngày .../.../.....
[áp dụng với khoản bảo lãnh của tổ chức kinh tế].

Căn cứ vào Cam kết bảo lãnh đã ký ngày .../.../....., Thỏa thuận cấp bảo lãnh đã ký với [Tên Bên được bảo lãnh] ngày.../.../.....

[Tên Bên bảo lãnh/Đại diện bên bảo lãnh trong trường hợp đồng bảo lãnh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài] đăng ký với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về khoản thu hồi nợ bảo lãnh như sau:

PHẦN THỨ NHẤT: THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

I. Thông tin về Bên bảo lãnh (hoặc Đại diện Bên bảo lãnh trong trường hợp đồng bảo lãnh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài):

1. Tên Bên bảo lãnh:
2. Loại hình tổ chức:
7. Địa chỉ:
8. Điện thoại: Fax:
9. Họ và tên Người đại diện có thẩm quyền:
10. Quyết định thành lập (hoặc Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy phép đăng ký kinh doanh...) số.....docấp ngày.....
7. Danh sách các Bên bên bảo lãnh và số tiền bảo lãnh (áp dụng với khoản đồng bảo lãnh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài): Theo Bảng A – kèm theo Đơn này.

II. Thông tin về Bên được bảo lãnh:

5. Tên Bên được bảo lãnh:
6. Quốc tịch:
7. Loại hình tổ chức:
8. Một số thông tin liên quan khác:
 - Giấy phép thành lập (hoạt động) tại nước ngoài:
 - Tổng vốn đầu tư theo Giấy phép thành lập Bên được bảo lãnh (nếu có):
 - Giấy phép đầu tư ra nước ngoài của cổ đông Việt Nam tại Bên được bảo lãnh là doanh nghiệp nước ngoài (trong trường hợp Bên được bảo lãnh là doanh nghiệp do Bên bảo lãnh tham gia góp vốn đầu tư trực tiếp).

II. Thông tin về Bên nhận bảo lãnh:

1. Tên Bên nhận bảo lãnh:
2. Quốc tịch:
3. Loại hình tổ chức:
4. Một số thông tin liên quan khác (nếu có):

III. Thông tin về các Bên liên quan khác (nếu có)

Ghi rõ tên, địa chỉ, loại hình của từng bên liên quan

PHẦN THỨ HAI: THÔNG TIN VỀ KHOẢN BẢO LÃNH

1. Mục đích bảo lãnh:
2. Dự án, phương án liên quan đến khoản bảo lãnh:
3. Ngày bắt đầu có hiệu lực bảo lãnh:
4. Số tiền bảo lãnh:
(Trường hợp đồng bảo lãnh, ghi rõ số tiền mỗi bên bảo lãnh sẽ bảo lãnh)
5. Đồng tiền bảo lãnh:
6. Hình thức bảo đảm (nếu có):

PHẦN THỨ BA: THÔNG TIN VỀ KHOẢN THU HỒI NỢ

14. Hạn mức bảo lãnh:
15. Số tiền đã thực hiện bảo lãnh:
16. Ngày thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh:
17. Số tiền thu hồi nợ:

18. Các văn bản phê duyệt khoản bảo lãnh (nêu rõ các văn bản phê duyệt theo quy định của pháp luật).
19. Các thỏa thuận liên quan (Thỏa thuận bảo lãnh, Thỏa thuận ...)
20. Lãi suất khoản thu hồi nợ:
21. Lãi phạt:
22. Thời hạn thu hồi nợ: (thời hạn cho vay, thời gian ân hạn)
23. Kế hoạch thu hồi nợ:
24. Hình thức đảm bảo khác có liên quan (nếu có):
25. Tên tổ chức tín dụng được phép:

PHẦN THỨ TƯ: CAM KẾT

1/ Người ký tên dưới đây (đại diện có thẩm quyền của Bên bảo lãnh) cam kết chịu mọi trách nhiệm về sự chính xác của mọi thông tin ghi trong Đơn này và các tài liệu kèm theo trong Hồ sơ đăng ký khoản thu hồi nợ bảo lãnh cho người không cư trú của [*Tên Bên bảo lãnh/Đại diện bên bảo lãnh*].

2/ [*Tên Bên bảo lãnh/Đại diện bên bảo lãnh*] cam kết tuân thủ các quy định tại Thông tư số 37/2013/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn một số nội dung về quản lý ngoại hối đối với việc cho vay ra nước ngoài và thu hồi nợ bảo lãnh cho người không cư trú; Pháp lệnh ngoại hối; và các quy định khác của pháp luật Việt Nam phù hợp với pháp luật quốc tế có liên quan trong quá trình thực hiện việc cho vay, thu hồi nợ nước ngoài.

ĐẠI DIỆN ĐỦ THẨM QUYỀN THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT

(Ký tên, đóng dấu)

**BẢNG A – DANH SÁCH CÁC BÊN BẢO LÃNH LÀ NGƯỜI CƯ TRÚ
TRONG KHOẢN ĐỒNG BẢO LÃNH CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG, CHI NHÁNH NGÂN
HÀNG NƯỚC NGOÀI CHO NGƯỜI KHÔNG CƯ TRÚ**

STT	Tên bên bảo lãnh	Loại hình tổ chức	Số tiền bảo lãnh	
			Thành tiền	%
	Tổng số			

8. Thủ tục đăng ký khoản thu hồi nợ bảo lãnh cho người không cư trú của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày chuyển tiền thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, bên bảo lãnh hoặc đại diện bên bảo lãnh (trong trường hợp đồng bảo lãnh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện một (01) bộ hồ sơ đến Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý ngoại hối).

+ Bước 2: Ngân hàng Nhà nước xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ hoặc cần thêm thông tin, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu Bên bảo lãnh hoặc đại diện bên bảo lãnh bổ sung tài liệu.

+ Bước 3: Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của bên bảo lãnh hoặc đại diện bên bảo lãnh, Ngân hàng Nhà nước gửi bên bảo lãnh hoặc đại diện bên bảo lãnh văn bản xác nhận đăng ký khoản thu hồi nợ bảo lãnh hoặc văn bản từ chối xác nhận đăng ký khoản thu hồi nợ bảo lãnh và nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện:

- + Nộp trực tiếp;
- + Qua đường bưu điện.

- Thành phần hồ sơ:

a) Đơn đăng ký khoản thu hồi nợ bảo lãnh (theo mẫu tại Phụ lục số 03 kèm theo Thông tư số 37/2013/TT-NHNN).

b) Bản sao và bản dịch tiếng Việt (có xác nhận của Bên bảo lãnh hoặc đại diện bên bảo lãnh) văn bản của bên nhận bảo lãnh yêu cầu bên bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.

c) Bản sao và bản dịch tiếng Việt (có xác nhận của Bên bảo lãnh hoặc đại diện bên bảo lãnh) cam kết bảo lãnh, thỏa thuận cấp bảo lãnh đã ký, thỏa thuận (hoặc thông báo) về việc thu hồi nợ mà bên bảo lãnh đã trả thay cho bên được bảo lãnh.

d) Bản sao (có xác nhận của Bên bảo lãnh hoặc đại diện bên bảo lãnh) chứng từ chứng minh việc bên bảo lãnh đã chuyển tiền thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.

đ) Bản sao (có xác nhận của đại diện bên bảo lãnh) thỏa thuận giữa các Bên bảo lãnh về việc ủy quyền cho 01 (một) bên bảo lãnh đại diện thực hiện đăng ký khoản thu hồi nợ bảo lãnh với Ngân hàng Nhà nước (áp dụng với khoản đồng bảo lãnh).

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

- **Thời hạn giải quyết:** 15 ngày.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Vụ Quản lý ngoại hối.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản xác nhận.

- **Lệ phí:** không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Đơn đăng ký khoản thu hồi nợ bảo lãnh (theo mẫu tại Phụ lục số 03 kèm theo Thông tư số 37/2013/TT-NHNN).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Thông tư số 37/2013/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Ngân hàng nhà nước Hướng dẫn một số nội dung về quản lý ngoại hối đối với việc cho vay ra nước ngoài và thu hồi nợ bảo lãnh cho người không cư trú. Ngày có hiệu lực 14/02/2014.

TÊN BÊN BẢO LÃNH
(HOẶC ĐẠI DIỆN BÊN BẢO LÃNH)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

V/v đăng ký khoản thu hồi nợ bảo lãnh
cho người không cư trú

ĐƠN ĐĂNG KÝ KHOẢN THU HỒI NỢ BẢO LÃNH

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ vào Thông tư số 37/2013/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Ngân hàng nhà nước Hướng dẫn một số nội dung về quản lý ngoại hối đối với việc cho vay ra nước ngoài và thu hồi nợ bảo lãnh cho người không cư trú;

Căn cứ văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ số ngày .../.../....
[áp dụng với khoản bảo lãnh của tổ chức kinh tế].

Căn cứ vào Cam kết bảo lãnh đã ký ngày .../.../...., Thỏa thuận cấp bảo lãnh đã ký với [Tên Bên được bảo lãnh] ngày.../.../....

[Tên Bên bảo lãnh/Đại diện bên bảo lãnh trong trường hợp đồng bảo lãnh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài] đăng ký với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về khoản thu hồi nợ bảo lãnh như sau:

PHẦN THỨ NHẤT: THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

1. Thông tin về Bên bảo lãnh (hoặc Đại diện Bên bảo lãnh trong trường hợp đồng bảo lãnh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài):

1. Tên Bên bảo lãnh:
2. Loại hình tổ chức:
11. Địa chỉ:
12. Điện thoại: Fax:
13. Họ và tên Người đại diện có thẩm quyền:
14. Quyết định thành lập (hoặc Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy phép đăng ký kinh doanh...) số.....docấp ngày.....
7. Danh sách các Bên bên bảo lãnh và số tiền bảo lãnh (áp dụng với khoản đồng bảo lãnh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài): Theo Bảng A – kèm theo Đơn này.

II. Thông tin về Bên được bảo lãnh:

9. Tên Bên được bảo lãnh:
10. Quốc tịch:
11. Loại hình tổ chức:
12. Một số thông tin liên quan khác:
 - Giấy phép thành lập (hoạt động) tại nước ngoài:
 - Tổng vốn đầu tư theo Giấy phép thành lập Bên được bảo lãnh (nếu có):
 - Giấy phép đầu tư ra nước ngoài của cổ đông Việt Nam tại Bên được bảo lãnh là doanh nghiệp nước ngoài (trong trường hợp Bên được bảo lãnh là doanh nghiệp do Bên bảo lãnh tham gia góp vốn đầu tư trực tiếp).

II. Thông tin về Bên nhận bảo lãnh:

5. Tên Bên nhận bảo lãnh:
6. Quốc tịch:
7. Loại hình tổ chức:
8. Một số thông tin liên quan khác (nếu có):

III. Thông tin về các Bên liên quan khác (nếu có)

Ghi rõ tên, địa chỉ, loại hình của từng bên liên quan

PHẦN THỨ HAI: THÔNG TIN VỀ KHOẢN BẢO LÃNH

7. Mục đích bảo lãnh:
8. Dự án, phương án liên quan đến khoản bảo lãnh:
9. Ngày bắt đầu có hiệu lực bảo lãnh:
10. Số tiền bảo lãnh:
(Trường hợp đồng bảo lãnh, ghi rõ số tiền mỗi bên bảo lãnh sẽ bảo lãnh)
11. Đồng tiền bảo lãnh:
12. Hình thức bảo đảm (nếu có):

PHẦN THỨ BA: THÔNG TIN VỀ KHOẢN THU HỒI NỢ

26. Hạn mức bảo lãnh:
27. Số tiền đã thực hiện bảo lãnh:
28. Ngày thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh:
29. Số tiền thu hồi nợ:

30. Các văn bản phê duyệt khoản bảo lãnh (nêu rõ các văn bản phê duyệt theo quy định của pháp luật).
31. Các thỏa thuận liên quan (Thỏa thuận bảo lãnh, Thỏa thuận ...)
32. Lãi suất khoản thu hồi nợ:
33. Lãi phạt:
34. Thời hạn thu hồi nợ: (thời hạn cho vay, thời gian ân hạn)
35. Kế hoạch thu hồi nợ:
36. Hình thức đảm bảo khác có liên quan (nếu có):
37. Tên tổ chức tín dụng được phép:

PHẦN THỨ TƯ: CAM KẾT

1/ Người ký tên dưới đây (đại diện có thẩm quyền của Bên bảo lãnh) cam kết chịu mọi trách nhiệm về sự chính xác của mọi thông tin ghi trong Đơn này và các tài liệu kèm theo trong Hồ sơ đăng ký khoản thu hồi nợ bảo lãnh cho người không cư trú của [*Tên Bên bảo lãnh/Đại diện bên bảo lãnh*].

2/ [*Tên Bên bảo lãnh/Đại diện bên bảo lãnh*] cam kết tuân thủ các quy định tại Thông tư số 37/2013/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn một số nội dung về quản lý ngoại hối đối với việc cho vay ra nước ngoài và thu hồi nợ bảo lãnh cho người không cư trú; Pháp lệnh ngoại hối; và các quy định khác của pháp luật Việt Nam phù hợp với pháp luật quốc tế có liên quan trong quá trình thực hiện việc cho vay, thu hồi nợ nước ngoài.

ĐẠI DIỆN ĐỦ THẨM QUYỀN THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT

(Ký tên, đóng dấu)

**BẢNG A – DANH SÁCH CÁC BÊN BẢO LÃNH LÀ NGƯỜI CƯ TRÚ
TRONG KHOẢN ĐỒNG BẢO LÃNH CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG, CHI NHÁNH NGÂN
HÀNG NƯỚC NGOÀI CHO NGƯỜI KHÔNG CƯ TRÚ**

STT	Tên bên bảo lãnh	Loại hình tổ chức	Số tiền bảo lãnh	
			Thành tiền	%
	Tổng số			

9. Thủ tục đăng ký thay đổi khoản thu hồi nợ bảo lãnh cho người không cư trú của tổ chức kinh tế/tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Trong thời gian ba mươi (30) ngày kể từ ngày ký thỏa thuận thay đổi khoản thu hồi nợ bảo lãnh, bên bảo lãnh hoặc Đại diện bên bảo lãnh gửi một (01) bộ hồ sơ đăng ký thay đổi khoản thu hồi nợ bảo lãnh đến Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý Ngoại hối).

+ Bước 2: Ngân hàng Nhà nước xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ hoặc cần thêm thông tin, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu Bên bảo lãnh hoặc Đại diện bên bảo lãnh bổ sung tài liệu.

+ Bước 3: Trong thời gian mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của bên bảo lãnh (hoặc đại diện bên bảo lãnh), Ngân hàng Nhà nước gửi bên bảo lãnh hoặc đại diện bên bảo lãnh văn bản xác nhận đăng ký thay đổi khoản thu hồi nợ bảo lãnh. Trường hợp từ chối xác nhận đăng ký thay đổi khoản thu hồi nợ bảo lãnh, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện:

- + Nộp trực tiếp;
- + Qua đường bưu điện.

- Thành phần hồ sơ:

a) Đơn đăng ký thay đổi khoản thu hồi nợ bảo lãnh (theo mẫu tại Phụ lục số 04 kèm theo Thông tư số 37/2013/TT-NHNN).

b) Bản sao và bản dịch tiếng Việt các thỏa thuận thay đổi cam kết bảo lãnh, thỏa thuận cấp bảo lãnh đã ký (có xác nhận của Bên bảo lãnh hoặc đại diện bên bảo lãnh về tính chính xác của bản sao và bản dịch) trong trường hợp các nội dung thay đổi cần được thỏa thuận giữa các bên.

c) Bản sao (có xác nhận của Bên bảo lãnh) văn bản nêu ý kiến chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ về nội dung thay đổi liên quan đến việc bảo lãnh cho

người không cư trú của tổ chức kinh tế (trường hợp thay đổi tăng số tiền bảo lãnh của tổ chức kinh tế hoặc kéo dài thời hạn bảo lãnh của khoản bảo lãnh hoặc thay đổi bên bảo lãnh).

d) Xác nhận của tổ chức tín dụng cung ứng dịch vụ tài khoản về tình hình thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, thu hồi nợ đến thời điểm đề nghị xác nhận đăng ký thay đổi (áp dụng đối với trường hợp đăng ký thay đổi kế hoạch thu hồi nợ).

đ) Văn bản của bên bảo lãnh giải trình rõ về nội dung thay đổi khoản thu hồi nợ bảo lãnh (áp dụng với trường hợp không có thành phần hồ sơ nêu tại điểm b, c nói trên).

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

- **Thời hạn giải quyết:** 15 ngày.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Vụ Quản lý ngoại hối.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản xác nhận.

- **Lệ phí:** không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Đơn đăng ký thay đổi khoản thu hồi nợ bảo lãnh (theo mẫu tại Phụ lục số 04 kèm theo Thông tư số 37/2013/TT-NHNN).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Thông tư số 37/2013/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Ngân hàng nhà nước Hướng dẫn một số nội dung về quản lý ngoại hối đối với việc cho vay ra nước ngoài và thu hồi nợ bảo lãnh cho người không cư trú. Ngày có hiệu lực 14/02/2014.

TÊN BÊN BẢO LÃNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

V/v đăng ký thay đổi Khoản thu
hồi nợ bảo lãnh cho người không cư trú

ĐƠN ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI KHOẢN THU HỒI NỢ BẢO LÃNH

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ vào Thông tư số 37/2013/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Ngân hàng nhà nước Hướng dẫn một số nội dung về quản lý ngoại hối đối với việc cho vay ra nước ngoài và thu hồi nợ bảo lãnh cho người không cư trú;

Căn cứ văn bản số ngày .../.../.... của Thủ tướng Chính phủ chấp thuận về các nội dung thay đổi [*áp dụng với khoản bảo lãnh của tổ chức kinh tế*] (nếu có).

Căn cứ vào Cam kết bảo lãnh đã ký ngày .../.../....,

Thỏa thuận thay đổi thỏa thuận cấp bảo lãnh đã ký với [*Tên Bên được bảo lãnh*] ngày.../.../....

Căn cứ vào (các) Văn bản xác nhận đăng ký khoản thu hồi nợ bảo lãnh của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số/NHNN-QLNH ngày .../.../....;

[*Tên Bên bảo lãnh/Đại diện bên bảo lãnh trong trường hợp đồng bảo lãnh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài*] đăng ký với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về khoản thu hồi nợ bảo lãnh như sau:

PHẦN THỨ NHẤT: CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI

1. [Nội dung thay đổi]:

Thoả thuận hiện tại:

Thoả thuận mới:

Lý do Thay đổi:

2. [Nội dung thay đổi]:

Thoả thuận hiện tại:

Thoả thuận mới:

Lý do Thay đổi:

3

PHẦN THỨ HAI: KIẾN NGHỊ:

Đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận [*Tên Bên bảo lãnh/Đại diện Bên bảo lãnh*] đã đăng ký thay đổi nội dung khoản thu hồi nợ bảo lãnh tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

PHẦN THỨ BA: CAM KẾT

1/ Người ký tên dưới đây (đại diện có thẩm quyền của Bên bảo lãnh/Đại diện bên bảo lãnh) cam kết chịu mọi trách nhiệm về sự chính xác của mọi thông tin ghi trong Đơn này và các tài liệu kèm theo trong Hồ sơ đăng ký thay đổi khoản thu hồi nợ bảo lãnh cho người không cư trú của [*Tên Bên bảo lãnh/Đại diện Bên bảo lãnh*].

2/ [*Tên Bên bảo lãnh/Đại diện Bên bảo lãnh*] cam kết tuân thủ các quy định tại Thông tư số 37/2013/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn một số nội dung về quản lý ngoại hối đối với việc cho vay ra nước ngoài và thu hồi nợ bảo lãnh cho người không cư trú; Pháp lệnh ngoại hối; và các quy định khác của pháp luật Việt Nam phù hợp với pháp luật quốc tế có liên quan trong quá trình thực hiện việc cho vay, thu hồi nợ nước ngoài.

ĐẠI DIỆN ĐỦ THẨM QUYỀN THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT

(Ký tên, đóng dấu)

II. Thủ tục hành chính thực hiện tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố.

1. Thủ tục đăng ký tài khoản vốn đầu tư trực tiếp và tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài đối với nhà đầu tư không phải là tổ chức tín dụng

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Sau khi mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp và trước khi thực hiện chuyển ngoại tệ ra nước ngoài, nhà đầu tư gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện một (01) bộ hồ sơ đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi nhà đầu tư là tổ chức có trụ sở chính, nơi nhà đầu tư là cá nhân đăng ký thường trú.

+ Bước 2: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố xem xét hồ sơ, trường hợp cần thêm thông tin để đủ cơ sở xác nhận hoặc từ chối xác nhận đăng ký tài khoản và tiến độ chuyển vốn, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố có văn bản yêu cầu Nhà đầu tư bổ sung tài liệu, thông tin cần thiết trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ của Nhà đầu tư.

+ Bước 3: Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của nhà đầu tư, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố gửi Nhà đầu tư văn bản xác nhận đăng ký tài khoản, tiến độ chuyển vốn. Trường hợp từ chối xác nhận đăng ký tài khoản, tiến độ chuyển vốn, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố có văn bản nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện:

- + Nộp trực tiếp.
- + Qua đường bưu điện.

- Thành phần hồ sơ:

1. Đơn đăng ký tài khoản vốn đầu tư trực tiếp và tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài (theo mẫu tại Phụ lục số 01 kèm theo Thông tư số 36/2013/TT-NHNN).

2. Hồ sơ pháp lý của nhà đầu tư bao gồm: Bản sao được chứng thực từ bản chính Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư (đối với nhà đầu

tư là tổ chức); Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu (đối với nhà đầu tư là cá nhân).

3. Bản sao được chứng thực từ bản chính Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp.

4. Bản sao tiếng nước ngoài, bản dịch tiếng Việt (có xác nhận của nhà đầu tư về tính chính xác của bản sao và bản dịch) văn bản chấp thuận đầu tư do cơ quan có thẩm quyền của nước tiếp nhận đầu tư cấp hoặc các giấy tờ khác thể hiện dự án đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền của nước tiếp nhận đầu tư chấp thuận phù hợp với quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư.

5. Bản chính văn bản về tiến độ góp vốn đầu tư của dự án hoặc dự kiến tiến độ góp vốn đầu tư của dự án do nhà đầu tư lập.

6. Bản chính văn bản xác nhận của tổ chức tín dụng được phép về việc mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của nhà đầu tư.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 10 ngày.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Tổ chức.

+ Cá nhân.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản xác nhận.

- **Lệ phí:** không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Đơn đăng ký tài khoản vốn đầu tư trực tiếp và tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài (theo mẫu tại Phụ lục số 01 kèm theo Thông tư số 36/2013/TT-NHNN).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Thông tư số 36/2013/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Ngân hàng Nhà nước quy định việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ để thực hiện hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài. Ngày có hiệu lực 14/02/2014.

TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:.....

Ngàytháng.....năm.....

**ĐƠN ĐĂNG KÝ TÀI KHOẢN VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP
VÀ TIẾN ĐỘ CHUYỂN VỐN ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh/thành phố...

Căn cứ các quy định hiện hành về đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của nhà đầu tư Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 36/2013/TT-NHNN ngày 31/12/2013 của Ngân hàng Nhà nước quy định việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ để thực hiện hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài;

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số.....ngày.....;

Căn cứ vào văn bản quy định tiến độ góp vốn đầu tư của dự án hoặc dự kiến tiến độ góp vốn đầu tư của {Tên nhà đầu tư};

{Tên nhà đầu tư} đăng ký với Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh/thành phố.....về tài khoản vốn đầu tư trực tiếp, tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài như sau:

IV. THÔNG TIN VỀ NHÀ ĐẦU TƯ:

- Tên nhà đầu tư:.....
- Địa chỉ:.....
- Số điện thoại:.....
- Giấy phép kinh doanh số.....ngày.....{đối với nhà đầu tư là tổ chức}
- Giấy chứng minh nhân dân/ Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....{đối với nhà đầu tư là cá nhân}
- Văn bản cho phép mở chi nhánh, văn phòng đại diện,.....ở nước ngoài số.....ngày.....{đối với nhà đầu tư là tổ chức tin dụng}
- Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số.....ngày.....
- Giấy phép của nước tiếp nhận đầu tư số.....ngày.....
- Tổng vốn đầu tư được cấp phép theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài:.....
- Giá trị góp vốn của Bên Việt Nam:....., Trong đó:
 - + Góp vốn bằng tiền:.....

+ Góp vốn bằng giá trị góp vốn khác theo quy định của pháp luật (Máy móc, hàng hóa, sử dụng lợi nhuận tái đầu tư ở nước ngoài.....):.....

V. NỘI DUNG ĐĂNG KÝ VỀ TÀI KHOẢN VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP VÀ TIẾN ĐỘ CHUYỂN VỐN ĐẦU TƯ:

3. Vốn đầu tư bằng tiền thực hiện thông qua tài khoản vốn đầu tư trực số:.....mở tại:.....
4. Tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài:

TT	Thời gian chuyển vốn dự kiến	Bằng tiền (quy USD)	Sử dụng lợi nhuận tái đầu tư (USD)	Bằng giá trị góp vốn khác (quy USD)
1	Quý.....Năm.....			
2	Quý.....Năm.....			
.....			

(Chi tiết theo giá trị góp vốn theo hình thức góp vốn)

VI. CAM KẾT:

3. Người ký tên dưới đây (đại diện có thẩm quyền của nhà đầu tư) cam kết chịu mọi trách nhiệm về sự chính xác của mọi thông tin ghi trong Đơn đăng ký tài khoản vốn đầu tư trực tiếp và tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài và các tài liệu kèm theo Hồ sơ đăng ký nêu trên của {Tên nhà đầu tư}.

4. {Tên nhà đầu tư} cam kết thực hiện đúng các quy định tại Thông tư số 37/2013/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn việc mở, sử dụng; đăng ký và đăng ký thay đổi tài khoản ngoại tệ, tiến độ chuyển chuyển ngoại tệ để đầu tư trực tiếp ra nước ngoài và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Hồ sơ đính kèm:

NHÀ ĐẦU TƯ

2. Thủ tục đăng ký thay đổi tài khoản vốn đầu tư trực tiếp, tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài đối với nhà đầu tư không phải là tổ chức tín dụng

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Trường hợp phát sinh thay đổi về nơi mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp, tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài so với nội dung đã được NHNN xác nhận đăng ký, sau khi mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp tại tổ chức tín dụng được phép mới và trước khi thực hiện nội dung thay đổi về tiến độ chuyển vốn, ngoại tệ ra, vào qua tài khoản mới, nhà đầu tư gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện một (01) bộ hồ sơ đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi nhà đầu tư là tổ chức có trụ sở chính, nơi nhà đầu tư là cá nhân đăng ký thường trú.

+ Bước 2: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố xem xét hồ sơ, trường hợp cần thêm thông tin để có đủ cơ sở xác nhận hoặc từ chối xác nhận đăng ký thay đổi tài khoản và tiến độ chuyển vốn, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố có văn bản yêu cầu Nhà đầu tư bổ sung tài liệu, thông tin cần thiết trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ của Nhà đầu tư.

+ Bước 3: Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của Nhà đầu tư, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố gửi Nhà đầu tư văn bản xác nhận đăng ký thay đổi tài khoản, tiến độ chuyển vốn. Trường hợp từ chối xác nhận đăng ký thay đổi, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố có văn bản nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp;

+ Qua đường bưu điện.

- Thành phần hồ sơ:

a) Hồ sơ đối với trường hợp thay đổi tài khoản vốn đầu tư trực tiếp:

1. Đơn đăng ký thay đổi tài khoản vốn đầu tư trực tiếp, tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài (theo mẫu tại Phụ lục số 02 kèm theo Thông tư số 36/2013/TT-NHNN).

2. Văn bản giải trình của nhà đầu tư về lý do các nội dung cần thay đổi nơi mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp.

3. Bản chính xác nhận của các tổ chức tín dụng được phép nơi nhà đầu tư đã mở và đang mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp về việc đóng, mở và số dư tài khoản này; số tiền đã chuyển ra nước ngoài đến thời điểm phát sinh thay đổi.

b) Hồ sơ đối với trường hợp thay đổi tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài:

1. Đơn đăng ký thay đổi tài khoản vốn đầu tư trực tiếp, tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài (theo mẫu tại Phụ lục số 02 kèm theo Thông tư số 36/2013/TT-NHNN).

2. Văn bản giải trình của nhà đầu tư về lý do các nội dung cần thay đổi, kèm các thỏa thuận, cam kết hoặc các tài liệu khác có liên quan về việc thay đổi tiến độ chuyển vốn đầu tư (nếu có).

3. Bản dự kiến tiến độ góp vốn đầu tư mới của dự án do nhà đầu tư lập.

4. Bản sao được chứng thực từ bản chính Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài đã được điều chỉnh do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp (trong trường hợp dự án đầu tư được điều chỉnh quy mô vốn đầu tư, thời hạn đầu tư, các bên tham gia đầu tư và tỷ lệ góp vốn, hình thức góp vốn).

5. Bản chính xác nhận của các tổ chức tín dụng được phép nơi nhà đầu tư đang mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp về số tiền đã chuyển ra nước ngoài đến thời điểm phát sinh thay đổi.

6. Bản sao chứng thực từ bản chính chứng từ chứng minh việc thực hiện chuyển vốn bằng các giá trị góp vốn khác theo tiến độ đã đăng ký với Ngân hàng Nhà nước.

c) Hồ sơ đối với trường hợp thay đổi tài khoản vốn đầu tư trực tiếp và tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài:

1. Đơn đăng ký thay đổi tài khoản vốn đầu tư trực tiếp, tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài (theo mẫu tại Phụ lục số 02 kèm theo Thông tư số 36/2013/TT-NHNN).

2. Văn bản giải trình của nhà đầu tư về lý do các nội dung cần thay đổi, kèm các thỏa thuận, cam kết hoặc các tài liệu khác có liên quan về việc thay đổi tiến độ chuyển vốn đầu tư (nếu có).

3. Bản dự kiến tiến độ góp vốn đầu tư mới của dự án do nhà đầu tư lập.

4. Bản sao được chứng thực từ bản chính Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài đã được điều chỉnh do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp (trong trường hợp dự án đầu tư được điều chỉnh quy mô vốn đầu tư, thời hạn đầu tư, các bên tham gia đầu tư và tỷ lệ góp vốn, hình thức góp vốn).

5. Bản chính xác nhận của các tổ chức tín dụng được phép nơi nhà đầu tư đang mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp về số tiền đã chuyển ra nước ngoài đến thời điểm phát sinh thay đổi.

6. Bản sao chứng thực từ bản chính chứng từ chứng minh việc thực hiện chuyển vốn bằng các giá trị góp vốn khác theo tiến độ đã đăng ký với Ngân hàng Nhà nước.

7. Bản chính xác nhận của tổ chức tín dụng được phép nơi nhà đầu tư đang mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp về số dư tài khoản này; số tiền đã chuyển ra nước ngoài đến thời điểm phát sinh thay đổi.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 10 ngày.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Tổ chức.

+ Cá nhân.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản xác nhận.

- **Lệ phí:** không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Đơn đăng ký thay đổi tài khoản ngoại tệ, tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài (theo mẫu tại Phụ lục số 02 kèm theo Thông tư số 36/2013/TT-NHNN).

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Thông tư số 36/2013/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Ngân hàng Nhà nước quy định việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ để thực hiện hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài. Ngày có hiệu lực 14/02/2014.

Phu lục số 02

TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số:.....

Ngàytháng.....năm.....

**ĐƠN ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÀI KHOẢN NGOẠI TỆ, TIỀN ĐỘ
CHUYỂN VỐN ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh/thành phố.....

Căn cứ các quy định hiện hành về đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của nhà đầu tư Việt Nam;

Thông tư số 36/2013/TT-NHNN ngày 31/12/2013 của Ngân hàng Nhà nước quy định việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ để thực hiện hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài;

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số.....ngày.....;

Căn cứ các thỏa thuận, cam kết hoặc các tài liệu khác có liên quan về việc thay đổi tiến độ chuyển vốn đầu tư (nếu có);

{Tên nhà đầu tư} đăng ký với Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh/thành phố.....về tài khoản vốn đầu tư trực tiếp, tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài như sau:

IV. THÔNG TIN VỀ NHÀ ĐẦU TƯ:

- Tên nhà đầu tư:.....
- Địa chỉ:.....
- Số điện thoại:.....
- Giấy phép kinh doanh số.....ngày.....{đối với nhà đầu tư là tổ chức}
- Giấy chứng minh nhân dân/ Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....{đối với nhà đầu tư là cá nhân}
- Văn bản cho phép mở chi nhánh, văn phòng đại diện,.....ở nước ngoài số.....ngày.....{đối với nhà đầu tư là tổ chức tín dụng}
- Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số.....ngày.....
- Giấy phép của nước tiếp nhận đầu tư số.....ngày.....
- Tổng vốn đầu tư được cấp phép theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài:.....
- Giá trị góp vốn của Bên Việt Nam:....., Trong đó:
 - + Góp vốn bằng tiền:.....
 - + Góp vốn bằng giá trị góp vốn khác theo quy định của pháp luật (Máy móc, hàng hóa, sử dụng lợi nhuận tái đầu tư ở nước ngoài.....):.....

V. NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI VỀ TÀI KHOẢN VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP VÀ TIỀN ĐỘ CHUYỂN VỐN ĐẦU TƯ:

3. Thay đổi về tài khoản vốn đầu tư trực tiếp:

- Tài khoản hiện tại:..... Mở tại:
Số dư tài khoản:.....
Số tiền đã chuyển ra nước ngoài qua tài khoản:.....
- Tài khoản mới:.....Mở tại:
- Lý do thay đổi:.....

4. Thay đổi về kế hoạch chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài:

- Kế hoạch hiện tại:

TT	Thời gian chuyển vốn dự kiến	Bảng tiền (quy USD)	Sử dụng lợi nhuận tái đầu tư (USD)	Bảng giá trị góp vốn khác (quy USD)
1	Quý....Năm.....			
2	Quý.....Năm.....			
.....			

(Chi tiết theo giá trị góp vốn theo hình thức góp vốn)

- Kế hoạch chuyển vốn mới:

TT	Thời gian chuyển vốn dự kiến	Bảng tiền (quy USD)	Sử dụng lợi nhuận tái đầu tư (USD)	Bảng giá trị góp vốn khác (quy USD)
1	Quý....Năm.....			
2	Quý.....Năm.....			
.....			

(Chi tiết theo giá trị góp vốn theo hình thức góp vốn)

- Lý do thay đổi:.....

VI. CAM KẾT:

3. Người ký tên dưới đây (đại diện hợp pháp của nhà đầu tư) cam kết chịu mọi trách nhiệm về sự chính xác của mọi thông tin ghi trong Đơn đăng ký thay đổi tài khoản vốn đầu tư trực tiếp, tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài và các tài liệu kèm theo Hồ sơ đăng ký nêu trên của {Tên nhà đầu tư}.

4. {Tên nhà đầu tư} cam kết thực hiện đúng các quy định tại Thông tư số 36/2013/TT-NHNN ngày 31/12/2013 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn việc mở, sử dụng; đăng ký và đăng ký thay đổi tài khoản ngoại tệ, tiến độ chuyển chuyển ngoại tệ để đầu tư trực tiếp ra nước ngoài và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Hồ sơ đính kèm:

NHÀ ĐẦU TƯ